TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-02-2024
"V/v Ly hôn giữa chị B và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Huỳnh Thị Ngọc B**, sinh năm 2003

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Trần Thanh T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Huỳnh Thị Ngọc B trình bày như sau:

Chị Huỳnh Thị Ngọc B (gọi tắt là chị B) và anh Trần Thanh T (gọi tắt là anh T) chung sống với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08 tháng 6 năm 2021 theo quy định.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có sự hoà hợp, quan điểm sống khác nhau không tìm được tiếng nói chung nên chuyện gì trong gia đình cũng có thể dẫn đến cự cãi. Ngoài ra anh T không chịu khó lao động để phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con mà còn tham gia tệ nạn xã hội như đá gà, đánh bài cờ bạc gây nợ nần, tiền bạc làm thì dùng vào việc trả nợ cá nhân. Bản thân chị B là phụ nữ nhưng phải là trụ cột lo xoay sở mọi việc trong gia đình. Chị B đã khuyên can chồng nhưng tính tình anh T không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy không thể duy trì cuộc sống hôn nhân với anh T được nữa nên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị B đều yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị B xác định vợ chồng có một người con chung tên Trần Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 18/3/2022 hiện còn nhỏ đang sống với chị B. Khi ly hôn chị B có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Trần Huỳnh Thanh T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Trần Thanh T vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị B.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy căn cước công dân (Bản công chứng); giấy khai sinh cháu Trần Huỳnh Thanh T1 (bản sao). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Trần Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tai phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị B được ly hôn với anh T. Về con chung đề nghị giao cháu Trần Huỳnh Thanh T1 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị Bích không yêu cầu anh Tiên cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị B yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Chị B và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân giữa chị B và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi, không lo làm để phát triển kinh tế gia đình mà tham gia tệ nạn cờ bạc, đá gà gây nợ nần để vợ phải gánh vác mọi công việc trong gia đình. Mặc dù chị B đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không thay đổi nên chị B đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh T từ tháng 5 năm 2023. Sau khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự đều không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận

định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị B cho chị B được ly hôn với anh T**.**

Về con chung: Chị B và anh T chung sống có một người con chung là cháu Trần Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 18/3/2022. Từ khi anh chị ly thân con chung sống với chị B có cuộc sống ổn định và hiện tại con chung của anh chị chưa đủ 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và hiện nay chị B cũng có thu nhập để nuôi dưỡng con chung. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Huỳnh Thanh T1 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị B và anh T ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị B xác định không có, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị B là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc B.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trần Thanh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 18/3/2022 cho chị Huỳnh Thị Ngọc B tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trần Thanh T ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Huỳnh Thị Ngọc B không yêu cầu anh Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Huỳnh Thị Ngọc B xác định không có, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Huỳnh Thị Ngọc B xác định không có nợ chung, không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Ngọc B có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008865 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Huỳnh Thị Ngọc B đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 19/02/2024, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Tây Yên ;
- Lưu, HS, VP.